

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

2. Ông Phạm Chiến Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1164/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 175/6, Tổ 10, K 4, phường P, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 158 Đ, khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Minh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới năm 2001, tuy nhiên đến ngày 08/3/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh H

Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2007, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại địa chỉ Ấp B, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Năm 2010, vợ chồng chuyển đến thuê trọ sinh sống và làm ăn tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho tới nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống gia đình căng thẳng, hai người đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã có thời gian sống ly thân từ khoảng 09 năm 2018 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 09/3/2004, hiện nay cháu L đang ở cùng chị. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27/12/2018 và 23/01/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/02/2019 và ngày 15/03/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 26/12/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị N và anh T trước khi nộp đơn yêu cầu khải quyết ly hôn tại Tòa án không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống vấn đề mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề nuôi dạy, chăm sóc con cái địa phương không rõ vì không nghe thông tin. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định

pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và được nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T tham gia phiên tòa vào các ngày 15/02/2019 và ngày 15/3/2019, anh T vắng mặt không có lý do, chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 23/01/2019. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01/2007 ngày 08/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Minh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt, chị N từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh T. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T với chị N đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, quá trình tiến hành tố tụng Tòa án triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh T bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị N, anh chị đã có thời gian ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N, anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Lợi, sinh ngày 09/3/2004. Chị N có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét, trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh T vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung, cháu Lợi đang ở cùng chị N và do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân anh T không quan tâm, chăm sóc cháu Lợi. Tại bản tự khai ngày 12/12/2018 cháu Lợi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ly hôn. Vì vậy, yêu cầu được trực

tiếp nuôi con chung của chị N là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Lợi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T (giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang cấp).

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 09/3/2004 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung)*: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020473 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã V, huyện Vị Thủy,
tỉnh Hậu Giang(1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).